

## **PHỤ LỤC SỐ 04**

### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC**

#### **ĐÀ NẴNG**

**Năm 2017**

#### **I. Thông tin chung:**

##### **1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch : Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400568767
- Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : 145 Lê Lợi, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Số điện thoại : (0236) 3889950 - (0236) 3889954
- Số fax : (0236) 3889957
- Website : Iseebooks.vn
- Mã cổ phiếu : DAD

##### **2. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Đà Nẵng ra đời trên cơ sở thành lập mới, với cổ đông sáng lập chính là Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam và các cổ đông góp vốn khác, bao gồm tất cả cán bộ công nhân viên của NXBGD tại TP Đà Nẵng.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08 tháng 06 năm 2017 với mã số doanh nghiệp là 0400568767

##### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

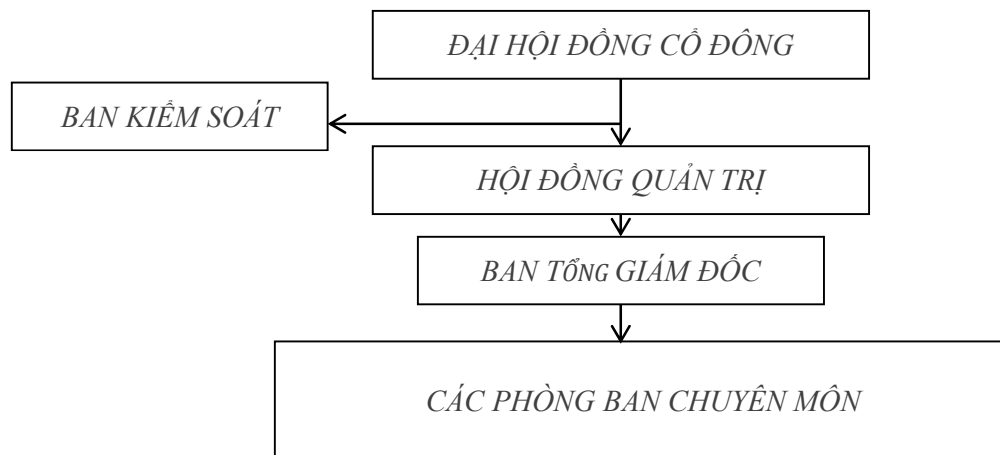
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
  - Sản xuất : thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại;

- Kinh doanh dịch vụ địa ốc; kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc.
- Xây dựng nhà các loại : Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Dạy nghề : Đào tạo nghề : tin học, ngoại ngữ.
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm.

- Địa bàn kinh doanh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, Kom Tum.

#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

##### a. Mô hình quản trị



##### b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

###### • Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 19/05/2017

+ Hội đồng quản trị có năm thành viên được Đại hội cổ đông bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2012→2017. Trong năm thành viên của Hội đồng quản trị, có ba thành viên không kiêm nhiệm là Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám Đốc NXBGD tại TP Đà Nẵng, Giám Đốc Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo Dục, Tổng Giám Đốc Công ty CP Thiết bị Giáo Dục 1 và hai thành viên còn lại là cán bộ Công ty giữ chức vụ Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc của công ty và đã được miễn nhiệm vào ngày 19/05/2017

+ Ban kiểm soát gồm ba thành viên được Đại hội cổ đông bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2012→2017. Trong 3 thành viên của Ban kiểm soát có một thành viên không kiêm nhiệm là Phó Phòng Kế toán NXBGD tại TP Đà Nẵng, hai thành viên là cán bộ Công ty giữ chức vụ Trưởng Phòng và Phó Phòng Sản xuất –Kho Vận và đã được miễn nhiệm ngày 19/05/2017

+ Ban Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng được HĐQT Công ty bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2012→2016. Ban Tổng Giám Đốc gồm có ba thành viên gồm: Tổng Giám Đốc và hai Phó Tổng Giám Đốc đã được miễn nhiệm ngày 19/05/2017

- **Từ ngày 20/05/2017 đến ngày 31/12/2017**

+ Hội đồng quản trị có năm thành viên được Đại hội cổ đông bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2017→2022. Trong năm thành viên của Hội đồng quản trị, có bốn thành viên không kiêm nhiệm là Giám đốc CTCP Mĩ thuật & Truyền thông, Phó Giám đốc NXBGD tại TP Đà Nẵng, CT HĐQT Công ty CP NVN Việt Nam, Ủy viên HĐQT chuyên trách của Công ty và một thành viên còn lại là cán bộ Công ty giữ chức vụ Tổng Giám đốc.

+ Ban kiểm soát gồm ba thành viên được Đại hội cổ đông bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2017→2022. Trong ba thành viên của Ban kiểm soát có hai thành viên không kiêm nhiệm là Kế toán trưởng và Kế toán viên NXBGD tại TP Đà Nẵng, một thành viên còn lại là cán bộ Công ty giữ chức vụ Văn thư.

+ Ban Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng được HĐQT Công ty bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2017→2022. Ban Tổng Giám Đốc gồm có hai thành viên gồm: Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc.

**c. Các công ty liên kết:**

Nội dung	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Vốn góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
<b>CÔNG TY LIÊN KẾT</b>						
CTCP In và Dịch vụ Đà Nẵng	420 Lê Duẩn, Đà Nẵng.	SX, in sách	11	2,53	20%	
CTCP Sách & TB Bình Định	219 Nguyễn Lữ, Bình Định.	TM sách	11,264	2,92	25,92%	

**5. Định hướng phát triển**

Hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng tích lũy và nâng cao năng lực sản xuất; mở rộng thị phần; đảm bảo gia tăng giá trị doanh nghiệp, lợi ích hợp pháp của cổ đông và góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.

**II. Tình hình hoạt động trong năm**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2016	KẾ HOẠCH NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2017	TH 2017 / KH2017	TH 2017 / TH 2016
+Doanh thu	Tỉ đồng	126,6	130	134,6	103,5%	106,3%
+Lợi nhuận	„	16,9	17	11,7	68,8%	69,2%
+ Cổ tức	%	17	18	18	100%	105,9%

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 19/05/2017

### + Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

- 1. Họ và tên** : **Hồ Văn Linh**
  - Chức vụ : Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần ĐT&PT GD Đà Nẵng
  - Giới tính : Nam
  - Ngày tháng năm sinh : 01/08/1971
  - Nơi sinh : TP Đà Nẵng
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Địa chỉ thường trú : 77/11 Thái Phiên, Q.Hải Châu, TP ĐN
  - Điện thoại liên lạc : 0236 – 3827374 - 0903503446
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
  - Số cổ phần nắm giữ : 60.100 cổ phiếu
  - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 2. Phó Tổng Giám Đốc** : **Trần Phước Chương**
  - Giới tính : Nam
  - Ngày tháng năm sinh : 12/08/1958
  - Nơi sinh : TP Đà Nẵng
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Địa chỉ thường trú : 141 Phan Thanh – TP Đà Nẵng
  - Điện thoại liên lạc : 0236 889951 – 0903565959
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Đại Học sư phạm ngành Toán
  - Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phiếu
  - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 3. Họ và tên** : **Nguyễn Quang Dũng**
  - Chức vụ : Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty cổ phần ĐT&PT GD Đà Nẵng
  - Giới tính : Nam
  - Ngày tháng năm sinh : 12/12/1979
  - Nơi sinh : Quảng Nam
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Địa chỉ thường trú : Tổ 17, Hoà Thọ Đông, Q.Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
  - Điện thoại liên lạc : 0988787827
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
  - Số cổ phần nắm giữ : 14.800 cổ phiếu
  - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 4. Kế toán trưởng** : **Lê Ngọc**
  - Giới tính : Nữ
  - Ngày tháng năm sinh : 30/05/1974

- Nơi sinh : TP Hạ Long
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 54 Trần Thanh Mại, Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc : 0236 889950 – 0903283156
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ : 18.000 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

• Từ ngày 20/05/2017 đến ngày 31/12/2017

+ Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

1. **Tổng Giám Đốc** : **Nguyễn Quang Dũng**
  - Chức vụ : Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần ĐT&PT GD Đà Nẵng
  - Giới tính : Nam
  - Ngày tháng năm sinh : 12/12/1979
  - Nơi sinh : Quảng Nam
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Địa chỉ thường trú : Tổ 17, Hoà Thọ Đông, Q.Cẩm Lệ, Đà Nẵng
  - Điện thoại liên lạc : 0988787827
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
  - Số cổ phần nắm giữ : 14.800 cổ phiếu
  - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
  
2. **Phó Tổng Giám Đốc** : **Trần Phước Chương**
  - Giới tính : Nam
  - Ngày tháng năm sinh : 12/08/1958
  - Nơi sinh : TP Đà Nẵng
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Địa chỉ thường trú : 141 Phan Thanh – TP Đà Nẵng
  - Điện thoại liên lạc : 0236 889951 – 0903565959
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Đại Học sư phạm ngành Toán
  - Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phiếu
  - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
  
3. **Kế toán trưởng** : **Lê Ngọc**
  - Giới tính : Nữ
  - Ngày tháng năm sinh : 30/05/1974
  - Nơi sinh : TP Hạ Long
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Địa chỉ thường trú : 54 Trần Thanh Mại, Đà Nẵng
  - Điện thoại liên lạc : 0236 889950 – 0903283156
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
  - Số cổ phần nắm giữ : 18.000 cổ phiếu
  - Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: Ngày 20/05/2017, bổ nhiệm Ông Nguyễn Quang Dũng là Phó Tổng giám đốc Công ty giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty thay cho Ông Hồ Văn Lĩnh.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số CBNV là 43 người, gồm Ban TGD và 6 Phòng ban chức năng;

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### a. Các khoản đầu tư lớn:

- Thu hồi 50% vốn (3 tỉ đồng) đầu tư vào Công ty Đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam.

- Đối với khoản đầu tư tại Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI) đã được Lãnh đạo NXBGDVN đồng ý chủ trương

- Chuyển nhượng xe Mercedes E250 cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với giá 1,8 tỉ đồng để thu hồi vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

#### b. Các công ty liên kết:

(Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên kết)

đvt: tỷ đồng

Nội dung	Địa chỉ	Doanh thu năm 2017	Lợi nhuận trước thuế năm 2017
<b>CÔNG TY LIÊN KẾT</b>			
CTCP In và Dịch vụ Đà Nẵng	420 Lê Duẩn, Đà Nẵng	36,5	2,2
CTCP Sách & TB Bình Định	219 Nguyễn Lữ, Bình Định	43,3	0,96

### 4. Tình hình tài chính

#### a. Các chỉ tiêu kinh doanh

đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	98,5	94,7	-3,9%
Doanh thu thuần	126,0	133,5	6,0%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	42,12	44,12	4,7%
Lợi nhuận khác	-0,008	-0,251	-3037,5%
Lợi nhuận trước thuế	16,97	11,71	-31,0%
Lợi nhuận sau thuế	13,19	9,19	-30,3%

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,01  1,11	3,76  2,22	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	28,72% 40,30%	17,55% 21,29%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,87  1,28	3,51  1,41	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	10,51% 18,86% 13,44% 33,43%	6,89% 11,78% 9,71% 33,05%	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.****a. Cổ phần:**

Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết : 5,000,000 cp

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành : 4,659,200 cp

**b. Cơ cấu cổ đông:**

<b>CỔ ĐÔNG</b>	<b>Số lượng cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>NHÀ NƯỚC</b>	<b>2,075,000</b>	<b>41.50%</b>
<b>TRONG NƯỚC, trong đó</b>	<b>1,412,700</b>	<b>28.25%</b>
<b>+ Tổ chức:</b>	<b>5,889</b>	<b>0.12%</b>
- Cổ đông lớn	0	0.00%
- Cổ đông nhỏ	5,889	0.12%
<b>+ Cá nhân:</b>	<b>1,066,011</b>	<b>21.31%</b>
- Cổ đông lớn	0	0.00%
- Cổ đông nhỏ	1,066,011	21.32%
<b>+ Cổ phiếu quỹ</b>	<b>340,800</b>	<b>6.82%</b>
<b>NGOÀI NƯỚC, trong đó</b>	<b>1,512,300</b>	<b>30.25%</b>
<b>+ Tổ chức:</b>	<b>997,700</b>	<b>19.96%</b>
- Cổ đông lớn	591,800	11.84%
- Cổ đông nhỏ	405,900	8.12%
<b>+ Cá nhân:</b>	<b>514,600</b>	<b>10.29%</b>
- Cổ đông lớn	315,900	6.32%
- Cổ đông nhỏ	198,700	3.97%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5,000,000</b>	<b>100.00%</b>

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không.

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Cổ phiếu quỹ hiện tại là 340.800 CP, trong năm không giao dịch CP quỹ.

**e. Các chứng khoán khác:** Không.

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

**1. Chỉ tiêu về số lượng**

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2016	Năm 2017		Tỉ lệ% so với	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH 2016	KH 2017
<b>1</b>	<b>XUẤT BẢN</b>	<b>Đề tài</b>	<b>175</b>	<b>232</b>	<b>229</b>	<b>130,86</b>	<b>98,71</b>
1.1	Sách tái bản (Sách in và SĐT - IseeBooks)	Đề tài	143	160	152	106,29	95,00
1.2	STK mới (Kể cả liên kết xuất bản)	Đề tài	22	60	66	300,00	110,00
1.3	SĐT- IseeBooks mới	Đề tài	10	12	11	110,00	91,67
<b>2</b>	<b>IN VÀ PHÁT HÀNH</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>14.371.000</b>	<b>15.300.000</b>	<b>13.870.000</b>	<b>96,51</b>	<b>90,65</b>
2.1	SBT.SGK	Bản	10.004.000	10.500.000	9.665.000	96,61	92,05
2.2	STC	Bản	1.605.000	1.800.000	1.780.000	110,90	98,89
2.3	SMR, STK, SP khác	Bản	2.762.000	3.000.000	2.425.000	87,80	80,83



## 2. Chỉ tiêu về giá trị

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2016	Năm 2017		Tỉ lệ% so với	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH 2016	KH 2017
1	Vốn điều lệ	Tỉ đồng	50	50	50	100,0	100,0
2	Vốn cổ phiếu quỹ	Tỉ đồng	3,4	3,4	3,4	100,0	100,0
3	Vốn cổ phiếu lưu hành	Tỉ đồng	46,6	46,6	46,6	100,0	100,0
4	Doanh thu	Tỉ đồng	126,6	130	134,6	106,3	103,5
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỉ đồng	16,9	17	11,7	69,2	68,8
6	Tỉ suất LN / VDL	%	33,8	34	23,4	69,2	68,8
7	Tỉ suất LN / Vốn CP lưu hành	%	36,3	36,5	25,1	69,2	68,8
8	Vốn tích lũy	Tỉ đồng	23,2		28,1	121,1	
9	Cổ tức	%	17	18	18	105,9	100,0
10	Thu hồi công nợ	%	87,5	90	90,6	103,5	100,7

(Ghi chú: Kết quả năm 2017 đã trích lập dự phòng khoản đầu tư vào EFI: 5,607 tỉ đồng)

## 3. Công tác đầu tư tài và phát triển cơ sở vật chất

### a. Đầu tư tài chính

Stt	Danh mục đầu tư	Số tiền đầu tư	Tỷ lệ vốn ĐT/vốn ĐL	Thời điểm đầu tư
1	Công ty CP Sách TBTH TP.HCM (STC)	408.545.000	0,8%	27/02/2008
2	Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng	2.530.000.000	20%	28/07/2008
3	Công ty CP Sách & TB Bình Định (BDB)	2.919.500.000	25,9%	28/07/2008
4	Công ty CP D.vụ Xuất bản GD Đà Nẵng	350.000.000	8,3%	04/04/2009
5	Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam (SMN)	1.000.000.000	2%	28/06/2010
6	Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI)	8.877.750.000	8,59%	19/09/2016
7	Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị GD VN	3.000.000.000	2,77%	19/08/2016

### b. Đầu tư và phát triển cơ sở vật chất

- Kho Hòa Cầm: Làm kho sách: 1.800 m<sup>2</sup>; Công ty Kido thuê: 705 m<sup>2</sup> kho và 170 m<sup>2</sup> khuôn viên đến 30/11/2020; Công ty Crown Worldwide thuê: 1.320 m<sup>2</sup> đến 15/7/2024; Tổng doanh thu từ hoạt động cho thuê kho trong năm 2017: 908.743.188 đồng.
- Đầu tư cơ sở vật chất tại văn phòng 145 Lê Lợi và Kho sách giáo dục; Bố trí lại phòng làm việc, mua sắm trang thiết bị cho CB-CNV để phục vụ công việc tốt hơn.
- Đã chuyển nhượng xe Mercedes E250 cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với giá 1,8 tỉ đồng để thu hồi vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

#### **4. Công tác tổ chức, lao động - tiền lương**

- Sau Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 (20/5/2017) đã thay đổi nhân sự của HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc Công ty, cụ thể:

##### **\* Hội đồng quản trị, gồm:**

- |                          |                |
|--------------------------|----------------|
| 1. Ông Lê Hoàng Hải      | - Chủ tịch     |
| 2. Ông Nguyễn Quang Dũng | - Phó chủ tịch |
| 3. Bà Phạm Thị Thu Hương | - Ủy viên      |
| 4. Ông Nguyễn Lê Văn     | - Ủy viên      |
| 5. Ông Hồ Văn Lĩnh       | - Ủy viên      |

##### **\* Ban kiểm soát:**

- |                         |              |
|-------------------------|--------------|
| 1. Ông Hồ Phú Cường     | - Trưởng ban |
| 2. Ông Đặng Công Đức    | - Ủy viên    |
| 3. Bà Hồ Đoàn Thiên Kim | - Ủy viên    |

##### **\* Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:**

- |                          |                     |
|--------------------------|---------------------|
| 1. Ông Nguyễn Quang Dũng | - Tổng Giám đốc     |
| 2. Ông Trần Phước Chương | - Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Bà Lê Ngọc            | - Kế toán trưởng    |

##### **\* Cấp ủy chi bộ:**

- |                          |              |
|--------------------------|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Quang Dũng | - Bí thư     |
| 2. Ông Lê Quốc Dũng      | - Phó Bí thư |
| 3. Bà Lê Ngọc            | - Ủy viên    |

- Tổng số CBCNV của Công ty là 44 người. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 2, Đại học: 29, Cao đẳng và Trung cấp: 8, Phổ thông: 5.
- Các Phòng chức năng gồm: Phòng Sản xuất - Kho vận; Phòng KHPH & TVTH; Phòng Khai thác bản thảo; Phòng kế toán - Tài chính và Phòng Tổ chức - Hành chính.
- Ổn định và sắp xếp nhân sự tại các phòng, ban theo phương án kiện toàn bộ máy đã được Chủ tịch HĐQT công ty và Chủ tịch HĐQT NXBGDVN đồng ý về mặt chủ trương, đảm bảo phát huy tối đa nguồn lực lao động của đơn vị.
- Thực hiện việc xây dựng phương án lương, thưởng dựa trên các quy định của pháp luật, của công ty và các chỉ tiêu cụ thể, đảm bảo sự thống nhất cao trong nội bộ công ty, nhằm tạo sự công bằng và khuyến khích các CB-CNV phấn đấu thực hiện tốt công việc.
- Luôn quan tâm, đảm bảo đời sống vật chất tinh thần cho CB-CNV. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CB-CNV.
- Thường xuyên thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và củng cố chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động.
- Tham gia tốt các hoạt động kỉ niệm 60 năm thành lập NXBGDVN, Công ty đạt 02 giải nhất đơn ca và tốp ca tại hội thi Văn nghệ - Thể thao khu vực miền Trung do

NXBGD tại TP Đà Nẵng tổ chức.

- Thực hiện tốt công tác xã hội từ thiện với tổng giá trị thực hiện khoảng 191 triệu đồng.
- Kết quả thi đua, khen thưởng năm 2017: Được NXBGDVN công nhận:
  - + Tập thể Công ty là Tập thể lao động xuất sắc;
  - + 02 phòng đạt hiệu Tập thể lao động xuất sắc của tập thể nhỏ;
  - + 03 phòng đạt hiệu Tập thể lao động tiên tiến của tập thể nhỏ;
  - + 02 cá nhân đạt Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

## 5. Kế hoạch năm 2018 :

### a. Chỉ tiêu số lượng

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2018
<b>1</b>	<b>Xuất bản</b>	<b>Đề tài</b>	<b>338</b>
1.1	Sách tái bản	Đề tài	266
1.2	Sách in mới (kể cả liên kết xuất bản)	Đề tài	72
<b>2</b>	<b>In và phát hành</b>	<b>Bản</b>	<b>14.242.000</b>
2.1	SBT.SGK	Bản	9.700.000
2.2	SGK tự chọn	Bản	1.800.000
2.3	SBT MR, STK, SP khác	Bản	2.742.000

### b. Chỉ tiêu giá trị

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2018
1	Doanh thu	Đồng	130.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	15.000.000.000
3	Tỉ suất lợi nhuận trên VDL	%	30%
4	Tỉ lệ cổ tức	%	15%-18%
5	Tỉ lệ thu hồi công nợ	%	93%

### c. Công tác tổ chức, lao động - tiền lương

- Kiện toàn bộ máy tổ chức lao động hợp lí để phát huy tốt nguồn lực hiện nay.
- Tổ chức nâng lương định kỳ hàng năm cho người lao động; Giải quyết các chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật, của NXBGDVN và các quy định nội bộ của Công ty.
- Xây dựng và ban hành các quy chế hoạt động của Công ty: Quy chế nội bộ, Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể,...

### d. Công tác đầu tư và phát triển cơ sở vật chất

- Thực hiện theo chủ trương của NXBGDVN; Tiếp tục hoàn thiện CSVC tại 145

Lê Lợi và phối hợp với bộ phận kho để hoàn thiện hệ thống PCCC;... Phối hợp với các đơn vị thành viên NXBGDVN xây dựng phương án thoái vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Giáo dục (EFI) và Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản và Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) theo chủ trương đã được NXBGDVN và HĐQT Công ty thông qua.

- Tiếp tục rà soát lại các khoản đầu tư không hiệu quả để thoái vốn nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn.

## 6. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Trong năm 2017, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng nhờ có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban Lãnh đạo NXBGDVN, Ban lãnh đạo NXBGD Đà Nẵng; Sự kết hợp và hỗ trợ của các đơn vị thành viên NXBGDVN; Cùng với sự đoàn kết, sáng tạo, phấn đấu của tập thể lãnh đạo và CBCNV, Công ty đã tiếp tục vượt qua những khó khăn, phát huy tốt các nguồn lực và có được bước đi thích hợp: Hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị; Giữ vững, tăng trưởng được số lượng phát hành, doanh thu, cổ tức của cổ đông và nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động; Cơ sở vật chất được ổn định và phát huy hiệu quả sử dụng; Uy tín cổ phiếu DAD trên sàn chứng khoán đã được củng cố.

Trong các cuộc họp định kỳ và bất thường, HĐQT đã thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành. Tổng giám đốc cũng thường xuyên chủ động báo cáo tình hình hoạt động, các khó khăn vướng mắc trong quá trình điều hành, quản trị Công ty.

### a. Hoạt động năm 2017 như sau:

#### - Kết quả hoạt động SXKD năm 2017 như sau

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2016	Năm 2017		Tỉ lệ% so với	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH 2016	KH 2017
1	Doanh thu	Ti đồng	126,6	130	134,6	106,3	103,5
2	Lợi nhuận trước thuế	Ti đồng	16,9	17	11,7	69,2	68,8
3	Cổ tức	%	17	18	18	105,9	100,0

#### - Chi trả cổ tức

Trong năm 2017, công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức 17% của năm 2016 và HĐQT đã thông qua phương án tạm ứng trả cổ tức 2017 với tỉ lệ 18%.

#### - Lựa chọn đơn vị kiểm toán

Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát, HĐQT đã lựa chọn đơn vị thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 là Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC).

**b. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2018:**

**- Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018**

Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thông qua một số chỉ tiêu chính kế hoạch năm 2018, cụ thể như sau:

- Doanh thu	:	130 tỉ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	15 tỉ đồng
- Cổ tức	:	15%-18% trên vốn điều lệ
- Quỹ đầu tư phát triển	:	5% Lợi nhuận sau thuế
- Thù lao HĐQT, BKS	:	5% Lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	:	10% Lợi nhuận sau thuế

**- Định hướng mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2018 cho Ban điều hành**

- Phát huy các ưu điểm, kết quả đạt được trong năm 2017 và thẳng thắn nhìn nhận các tồn tại, khuyết điểm để khắc phục trong năm 2018 nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả công việc của từng CBCNV, của từng phòng và của Công ty. Nghiêm túc thực hiện tiến độ công việc theo từng tháng, từng quý và đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề tài theo kế hoạch.

- Triển khai xây dựng đội ngũ tác giả, kế hoạch đề tài cho việc thay sách theo chủ trương một chương trình nhiều bộ sách giáo khoa.

- Thực hiện việc cung ứng vật tư theo quy định của NXBGDVN và tăng cường công tác KCS sách nhập kho để đảm bảo đúng chất lượng cung ứng ra thị trường; Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng quản lý các kho sách, vật tư không để tình trạng thiếu xảy ra.

- Đánh giá và dự báo nhu cầu thị trường - in - phát hành để đảm bảo việc tồn kho an toàn nhất; Gắn chặt chẽ với việc chỉ đạo chuyên môn của Lãnh đạo và các Phòng chuyên môn của các Sở GD & ĐT tại khu vực miền Trung; Tổ chức việc phát hành sách đến trường học thông qua hệ thống; Có biện pháp cải thiện kết quả phát hành SBT và STC tại các tỉnh có tỉ lệ bình quân thấp.

- Đa dạng hóa các sản phẩm của công ty qua hình thức liên kết phát hành các sản phẩm của các đơn vị thành viên NXBGDVN.

**- Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2018**

- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra của ĐHCĐ thường niên 2018

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của BDH và bộ máy giúp việc Công ty

- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018, đề xuất trình Đại hội những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, để chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy chế, quy trình, quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động SXKD.

#### **IV. Quản trị công ty**

##### **1. Hội đồng quản trị**

###### ***a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:***

• **Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 19/05/2017**

- 1. Họ và tên : Ông Thừa Phú**
  - Chức vụ : Chủ tịch HĐQT
  - Giới tính : Nam
  - Ngày tháng năm sinh : 05-10-1971
  - Nơi sinh : Đà Nẵng
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Địa chỉ thường trú : 498 Trần Cao Vân, Đà Nẵng
  - Điện thoại liên lạc : 0903545545
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
  - Số cổ phần nắm giữ : 0
  - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
  
- 2. Họ và tên : Huỳnh Bá Vân**
  - Chức vụ : Ủy viên HĐQT
  - Giới tính : Nam
  - Ngày tháng năm sinh : 23/10/1953
  - Nơi sinh : Bình Định
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Địa chỉ thường trú : Số 12 Nguyễn Gia Thiều - Quận Thanh Khê - Tp. Đà Nẵng
  - Điện thoại liên lạc : 0903505082
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
  - Số cổ phần nắm giữ : 6.000 cổ phiếu
  - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
  
- 3. Họ và tên : Hồ Văn Lĩnh**
  - Chức vụ : Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần ĐT&PT GD Đà Nẵng
  - Giới tính : Nam
  - Ngày tháng năm sinh : 01/08/1971

- Nơi sinh : TP Đà Nẵng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 77/11 Thái Phiên, Q.Hải Châu, TP ĐN
- Điện thoại liên lạc : 0236 – 3827374 - 0903503446
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ : 60.100 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- 4. Họ và tên : Nguyễn Quang Dũng**
- Chức vụ : Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty cổ phần ĐT&PT GD Đà Nẵng
  - Giới tính : Nam
  - Ngày tháng năm sinh : 12/12/1979
  - Nơi sinh : Quảng Nam
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Địa chỉ thường trú : Tổ 17, Hoà Thọ Đông, Q.Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
  - Điện thoại liên lạc : 0988787827
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
  - Số cổ phần nắm giữ : 14.800 cổ phiếu
  - Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- 5. Họ và tên : Phạm Thanh Nam**
- Chức vụ : Ủy viên HĐQT
  - Giới tính : Nam
  - Ngày tháng năm sinh : 05/06/1957
  - Nơi sinh : Thanh Hoá
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Địa chỉ thường trú : 502 DN2 A2 Nguyễn Khánh Toàn-Cầu Giấy – Hà Nội
  - Điện thoại liên lạc : 0913079999
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
  - Số cổ phần nắm giữ : 10.900 cổ phiếu
  - Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:**

S T T	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NĂM GIỮ	TỈ LỆ NĂM GIỮ (%)
1	Ông Thừa Phú	CT.HĐQT	0	0
2	Huỳnh Bá Vân	UV.HĐQT	6.000	0,12
3	Hồ Văn Lĩnh	UV.HĐQT - Tổng Giám Đốc	60.100	1,20

<b>S T</b>	<b>HỌ TÊN</b>	<b>CHỨC VỤ</b>	<b>SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU</b>	<b>TỈ LỆ NĂM</b>
4	Nguyễn Quang Dũng	UV.HĐQT - Phó TGD	14.800	0,30
5	Phạm Thanh Nam	UV.HĐQT	10.900	0,22
	<b>Tổng cộng</b>	/	<b>91.800</b>	<b>1,84</b>

• **Từ ngày 20/05/2017 đến ngày 31/12/2017**

1. **Họ và tên** : **Lê Hoàng Hải**
  - Chức vụ : Chủ tịch HĐQT
  - Giới tính : Nam
  - Ngày tháng năm sinh : 24-12-1969
  - Nơi sinh : Hải Dương
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Địa chỉ thường trú : SN6, ngách 31/11, Phan Đình Giót, Hà Nội
  - Điện thoại liên lạc : 0903 423 828
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
  - Số cổ phần nắm giữ : 0
  - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
  
2. **Họ và tên** : **Nguyễn Quang Dũng**
  - Chức vụ : Phó CT HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần ĐT&PT GD Đà Nẵng
  - Giới tính : Nam
  - Ngày tháng năm sinh : 12/12/1979
  - Nơi sinh : Quảng Nam
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Địa chỉ thường trú : Tổ 17, Hoà Thọ Đông, Q.Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
  - Điện thoại liên lạc : 0988787827
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
  - Số cổ phần nắm giữ : 14.800 cổ phiếu
  - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
  
3. **Họ và tên** : **Phạm Thị Thu Hương**
  - Chức vụ : Ủy viên HĐQT
  - Giới tính : Nữ
  - Ngày tháng năm sinh : 04/02/1974
  - Nơi sinh : TP Đà Nẵng
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Địa chỉ thường trú : Số 94, Nguyễn Du, Q. Hải Châu, Đà Nẵng
  - Điện thoại liên lạc : 0914 354 577
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
  - Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phiếu



▪ Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**4. Họ và tên** : **Nguyễn Lê Văn**

- Chức vụ : Ủy viên HĐQT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/08/1983
- Nơi sinh : TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 154/49/64 Âu Dương Lân, P. 3, Q.8, HCM
- Điện thoại liên lạc : 0938 222 128
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**5. Họ và tên** : **Hồ Văn Lĩnh**

- Chức vụ : Ủy viên HĐQT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/08/1971
- Nơi sinh : TP Đà Nẵng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 77/11 Thái Phiên, Q.Hải Châu, TP ĐN
- Điện thoại liên lạc : 0236 – 3827374 - 0903503446
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ : 60.100 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:**

<b>S T T</b>	<b>HỌ TÊN</b>	<b>CHỨC VỤ</b>	<b>SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NẮM GIỮ</b>	<b>TỈ LỆ NẮM GIỮ (%)</b>
1	Lê Hoàng Hải	CT.HĐQT	0	0
2	Nguyễn Quang Dũng	PCT.HĐQT - Tổng Giám Đốc	14.800	0,30
3	Phạm Thị Thu Hương	UV.HĐQT	0	0
4	Nguyễn Lê Văn	UV.HĐQT	0	0
5	Hồ Văn Lĩnh	UV.HĐQT	60.100	1,20
	<b>Tổng cộng</b>		<b>74.900</b>	<b>1,50</b>

**b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Không

**c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Nhiệm kì 2012-2017 (Từ ngày 01/01/2017 – 19/05/2017)

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	124/DEIDCO	11/01/2017	1. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2. Phân công trong Ban Tổng giám đốc 3. Tiền lương của CBCNV 4. Thu hồi công nợ 5. Xử lý kết quả kiểm kê thừa, thiếu 6. Kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông năm 2017
2	125/DEIDCO	08/03/2017	Trang bị xe ô tô phục vụ công việc.
3	139/DEIDCO	08/03/2017	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2017
4	126/CV-DEIDCO	09/03/2017	Nghị quyết thông qua việc tổ chức đại hội cổ đông thường niên vào ngày 20/05/2017

- Nhiệm kì 2017-2022 (Từ ngày 20/05/2017 – 31/12/2017)

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	275/NQ-DEIDCO	20/05/2017	- Thông qua việc bầu ông Lê Hoàng Hải giữ chức Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022 kể từ ngày 20/05/2017 - Thông qua việc bầu ông Nguyễn Quang Dũng giữ chức Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022 kể từ ngày 20/05/2017 - Thông qua việc bổ nhiệm Ban tổng giám đốc, kế toán trưởng nhiệm kỳ 2017 – 2022 kể từ ngày 20/05/2017
2	401/NQ-DEIDCO	03/07/2017	- Ngoài các phiên họp chính thức, HĐQT sẽ sử dụng cách thức trao đổi và xin ý kiến trong HĐQT bằng email - Thủ lao của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT nhiệm kì 2017 - 2022
3	404/NQ-DEIDCO	03/07/2017	Chọn đơn vị kiểm toán là CN Cty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh
4	406/NQ-DEIDCO	03/07/2017	Bổ nhiệm phó phòng KHPH-TVTH và phòng TC-HC
5	408/NQ-	03/07/2017	- Đồng ý các tài sản thế chấp.

	DEIDCO		- Ủy quyền cho ông Nguyễn Quang Dũng (Tổng giám đốc) quyết định việc thế chấp và các giao dịch với Ngân hàng.
6	410/NQ-DEIDCO	03/07/2017	- Tiếp nhận ông Nguyễn Duy Nhâm về làm việc tại phòng KHPH-TVTH
7	613/NQ-DEIDCO	18/09/2017	Đồng ý việc vay vốn và nhu cầu tín dụng khác tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN-CN Đà Nẵng.
8	721/NQ-HĐQT-DEIDCO	10/11/2017	Bán xe Mercedes-Ben E250 AMG cho Công ty CP ĐT & PT GD Hà Nội.

## 2. Ban Kiểm soát:

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Nhiệm kì 2012-2017 (Từ ngày 01/01/2017 – 19/05/2017)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày không còn là thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu CP có biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác
1	Ông Phạm Tiến Dũng	Trưởng ban	19/05/2017	0	0
2	Ông Lê Quang Tiến	Ủy viên	19/05/2017	0	0
3	Ông Hồ Phú Cường	Ủy viên	19/05/2017	0	0

- Nhiệm kì 2017-2022 (Từ ngày 20/05/2017 – 31/12/2017)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu CP có biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác
1	Ông Hồ Phú Cường	Trưởng ban	20/05/2017	0	0
2	Ông Đặng Công Đức	Ủy viên	20/05/2017	0	0
3	Bà Hồ Đoàn Thiên Kim	Ủy viên	20/05/2017	0	0

## **V. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

**Đơn vị kiểm toán độc lập:** Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Phòng 24.2, Tầng 24, Tòa nhà VIMECO, đường Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội.

**Ý kiến kiểm toán độc lập:** Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính..

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>62.527.636.784</b>	<b>56.874.364.017</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>14.989.732.651</b>	<b>11.459.384.182</b>
1. Tiền	111		1.468.732.651	3.459.384.182
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.521.000.000	8.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2a</b>	<b>408.545.000</b>	<b>408.545.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		408.545.000	408.545.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.430.479.053</b>	<b>17.440.447.608</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	13.933.375.656	14.906.638.064
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.895.440.098	2.093.928.073
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	531.968.396	1.148.371.742
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.346.532.338)	(1.111.415.836)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	416.227.241	402.925.565
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>25.614.144.832</b>	<b>25.301.416.903</b>
1. Hàng tồn kho	141		28.976.470.070	29.441.035.009
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.362.325.238)	(4.139.618.106)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.084.735.248</b>	<b>2.264.570.324</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.065.332.581	2.134.917.754
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	68.914.440
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	1.019.402.667	60.738.130
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>32.156.394.937</b>	<b>41.681.728.560</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.478.926.576</b>	<b>19.283.604.464</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	10.664.859.365	11.452.533.253
<i>Nguyên giá</i>	222		16.676.770.394	16.676.770.394
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.011.911.029)	(5.224.237.141)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	7.814.067.211	7.831.071.211
- <i>Nguyên giá</i>	228		7.884.999.000	7.884.999.000
- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(70.931.789)	(53.927.789)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>13.025.798.181</b>	<b>21.677.250.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.227.750.000	16.227.750.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.651.451.819)	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>651.670.180</b>	<b>720.874.096</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	651.670.180	720.874.096
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>94.684.031.721</b>	<b>98.556.092.577</b>

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>16.619.413.109</b>	<b>28.307.095.809</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.619.413.109</b>	<b>28.307.095.809</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	3.321.365.588	9.238.857.741
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.581.833.157	234.723.431
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	294.478.266	132.535.211
4. Phải trả người lao động	314		1.101.528.784	946.573.099
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.240.398.521	2.978.415.574
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.720.000	24.720.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.420.352.721	8.754.332.835
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	4.746.827.700	5.072.534.965
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(112.091.628)	924.402.953
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.18</b>	<b>78.064.618.612</b>	<b>70.248.996.768</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>78.064.618.612</b>	<b>70.248.996.768</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
2. Cổ phiếu quỹ	415		(2.907.360.967)	(2.907.360.967)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.811.643.939	5.351.901.478
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.160.335.640	17.804.456.257
<i>LNST chưa phân phối LK đến CK trước</i>	<i>421a</i>		<i>17.804.456.257</i>	<i>15.126.793.467</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>7.355.879.383</i>	<i>2.677.662.790</i>
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>94.684.031.721</b>	<b>98.556.092.577</b>

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	138,982,936,185	128,916,454,338
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.2	5,496,384,712	2,903,138,912
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.3</b>	<b>133,486,551,473</b>	<b>126,013,315,426</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	89,364,583,811	83,886,067,617
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>44,121,967,662</b>	<b>42,127,247,809</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1,077,075,927	619,573,661
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	6,791,081,141	1,447,734,867
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		516,795,052	570,834,464
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	13,556,895,904	12,023,472,818
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	12,888,792,626	12,294,570,920
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>11,962,273,918</b>	<b>16,981,042,865</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.8	12,723,751	1,981,961
12. Chi phí khác	32	VI.9	263,661,484	10,414,220
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>-250,937,733</b>	<b>-8,432,259</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>11,711,336,185</b>	<b>16,972,610,606</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	2,516,486,957	3,724,732,118
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>9,194,849,228</b>	<b>13,247,878,488</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1,677.46	2,416.87
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1,677.46	2,416.87

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Thu tiền từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	113.429.499.965	120.949.035.792
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(87.432.831.848)	(81.043.143.932)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.247.434.623)	(6.914.538.111)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	(513.630.500)	(578.501.513)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(3.475.151.494)	(4.084.769.415)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.090.698.282	4.568.835.899
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.582.195.027)	(7.251.903.980)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>268.954.755</b>	<b>25.645.014.740</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.839.800.000)	(295.985.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.800.000.000	(14.877.750.000)
3.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.000.000.000	0
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	626.900.979	628.406.995
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>3.587.100.979</b>	<b>(14.545.328.005)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ đi vay	33	47.704.133.891	49.694.435.980
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(48.029.841.156)	(51.566.402.389)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	(7.920.640.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(325.707.265)</b>	<b>(9.792.606.409)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>3.530.348.469</b>	<b>1.307.080.326</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>11.459.384.182</b>	<b>10.152.303.856</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>14.989.732.651</b>	<b>11.459.384.182</b>



## **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/3/2007 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 cấp lần đầu ngày 04/4/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ-SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017 của Công ty là: **50.000.000.000 đồng** (Năm mươi tỷ đồng).

**Hình thức sở hữu vốn:** Cổ phần

### **2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xuất bản sách hỗ trợ, sách giáo khoa, sách tham khảo, lịch và các công cụ hỗ trợ giáo dục.

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- In ấn. Chi tiết: Tổ chức, liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: Tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh vận tải hàng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2017: 43 nhân viên (Ngày 01/01/2017: 45 nhân viên).**

### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

## **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (đ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại các ngân hàng đã được kiểm kê, có đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**Các khoản tương đương tiền** bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn thu hồi còn lại dưới 03 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

#### **Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

### 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là Báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

#### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác (tiếp theo)

**Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi:** Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo giá bia của từng loại sách thành phẩm phát sinh.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi:** Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

##### 6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## 6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

### *Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

## 6.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

### *Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

## 6.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

### *Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 năm
Tài sản cố định vô hình khác: Website	05 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

## 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ; công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ....

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 13 tháng đến 36 tháng (ngoại trừ chi phí thuê đất).

## 8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

## 9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

## 10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 " Chi phí đi vay".

## 11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế Công ty chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, như: chi phí lãi tiền vay; phí tổ chức bản thảo, phí bản quyền; chi phí hoa hồng môi giới...

## 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

## 13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu Nguyên

### tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

### Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào Điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

#### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

#### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa; giá thành của sản phẩm sản xuất đã bán trong năm.

Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

#### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

**Chi phí tài chính bao gồm:** Chi phí lãi tiền vay; dự phòng giảm giá các khoản đầu tư; chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

## **18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, bốc xếp, vận chuyển, nhiên liệu, khấu hao phương tiện vận tải...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

## **19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận. Năm 2017, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các khoản thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

## **20. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

## **21. Công cụ tài chính**

### **Ghi nhận ban đầu**

#### ***Tài sản tài chính***

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.



## **21. Công cụ tài chính (tiếp theo)**

### **Tài sản tài chính (tiếp theo)**

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

### **Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

## **22. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

## **23. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực kinh doanh.

## **24. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT áp dụng các mức 10%, 5% và không chịu thuế cho từng loại mặt hàng theo quy định hiện hành.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	<b>77.855.000</b>	<b>136.978.000</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn</b>	<b>1.390.877.651</b>	<b>3.322.406.182</b>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	<i>12.485.801</i>	<i>813.752.733</i>
<i>Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương VN- Chi nhánh Đà Nẵng</i>	<i>18.111.933</i>	<i>3.203.094</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng</i>	<i>427.290.127</i>	<i>2.010.658.904</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	<i>20.004.986</i>	<i>0</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Đà Nẵng</i>	<i>687.664.108</i>	<i>373.928.107</i>
<i>Ngân hàng Liên danh Việt - Nga - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	<i>12.765.812</i>	<i>13.476.821</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	<i>212.554.884</i>	<i>107.386.523</i>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>13.521.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng	10.021.000.000	8.000.000.000
<i>Ngân hàng Liên danh Việt - Nga - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	<i>10.021.000.000</i>	<i>0</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng</i>	<i>0</i>	<i>8.000.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng	3.500.000.000	0
<i>Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng(*)</i>	<i>3.500.000.000</i>	<i>0</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>14.989.732.651</u></b>	<b><u>11.459.384.182</u></b>

(\*) Là tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng từ ngày 02/8/2017 tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng, lãi suất 6,6%/năm.

## 2. Chứng khoán kinh doanh

### a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
<b>a1. Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>408.545.000</b>	<b>465.000.000</b>	<b>0</b>	<b>408.545.000</b>	<b>574.500.000</b>	<b>0</b>
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh (STC)	408.545.000	465.000.000	0	408.545.000	574.500.000	0
<b>Cộng</b>	<b>408.545.000</b>	<b>465.000.000</b>	<b>0</b>	<b>408.545.000</b>	<b>574.500.000</b>	<b>0</b>

### c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017				01/01/2017			
	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
<b>- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>5.449.500.000</b>	<b>0</b>	<b>5.449.500.000</b>		<b>5.449.500.000</b>	<b>0</b>	<b>5.449.500.000</b>
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	20,00%	2.530.000.000	0	2.530.000.000	20,00%	2.530.000.000	0	2.530.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (BDB)	25,92%	2.919.500.000	0	2.919.500.000	25,92%	2.919.500.000	0	2.919.500.000
<b>- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		<b>13.227.750.000</b>	<b>5.651.451.819</b>	<b>7.596.298.181</b>		<b>16.227.750.000</b>	<b>0</b>	<b>16.177.750.000</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	8,76%	350.000.000	0	350.000.000	8,76%	350.000.000	0	350.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (SMN)	2,27%	1.000.000.000	0	1.020.000.000	2,27%	1.000.000.000	0	950.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI)	8,59%	8.877.750.000	5.607.000.000	3.270.750.000	8,59%	8.877.750.000	0	8.877.750.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (**)	2,76%	3.000.000.000	44.451.819	2.955.548.181	5,52%	6.000.000.000	0	6.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>18.677.250.000</b>	<b>5.651.451.819</b>	<b>13.045.798.181</b>		<b>21.677.250.000</b>	<b>0</b>	<b>21.627.250.000</b>

(\*) Công ty đang xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại các Công ty bao gồm Công ty niêm yết và chưa niêm yết dựa vào Báo cáo tài chính của các Công ty này cho năm tài chính 2017.

(\*\*) Giảm vốn góp theo Thông báo số 03/TB-VEPIC ngày 18/4/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 252/DEICO ngày 04/5/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam.

**- Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết:**

**+ Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 17/01/2005, điều chỉnh lần thứ 06 ngày 18/5/2015, số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng là 11.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2017, Công ty đã đầu tư 2.530.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng, tương đương 220.000 cổ phần chiếm 20% vốn điều lệ (số đầu năm là 2.530.000.000 đồng, tương đương 20% vốn điều lệ).

Các giao dịch trọng yếu của Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng về công nợ phải thu Công ty gồm công in, cô tức, bán lịch...

**+ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (BDB)**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 02/7/2007, điều chỉnh lần thứ 07 ngày 08/6/2016, số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị Bình Định (BDB) là 11.264.740.000 đồng. Tại ngày 31/12/2017, Công ty đã đầu tư 2.919.500.000 đồng vào Công ty Cổ phần Sách & TB Bình Định (BDB), tương đương 291.950 cổ phiếu chiếm 25,92% vốn điều lệ (số đầu năm là 2.919.500.000 đồng, tương đương 25,92% vốn điều lệ).

Các giao dịch trọng yếu của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định về bán sách cho Công ty.

**3. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>13.933.375.656</b>	<b>(1.346.532.338)</b>	<b>14.906.638.064</b>	<b>(1.111.415.836)</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quảng Nam	1.768.088.186	0	0	0
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Quảng Ngãi	1.324.718.818	0	1.523.776.749	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Bình	1.110.509.550	0	741	0
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị trường học Gia Lai	876.998.487	0	232.109.114	0
Nhà sách Việt Lý	854.664.592	0	881.213.192	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền	850.974.800	0	176.432.810	0
Trần Ngô Gia Bách	719.232.850	0	0	0
Công ty Cổ phần Sách-TBTH Quảng Nam	652.759.599	0	596.466.317	0
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Tổng hợp Thanh Hoá	499.869.888	0	735.067.578	0
Công ty TNHH Sách - Văn hóa thời đại	222.763.589	0	1.951.642.423	0
Công ty TNHH MTV Sách & Thiết bị Giáo dục Phước Lộc	128.032.243	0	1.610.300.805	0

### 3. Phải thu của khách hàng (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	87.553.922	0	28.058.494	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thừa Thiên Huế	0	0	8.139.998	0
Phải thu các khách hàng khác	4.837.209.132	(1.346.532.338)	7.163.429.843	(1.111.415.836)
<b>Cộng</b>	<b>13.933.375.656</b>	<b>(1.346.532.338)</b>	<b>14.906.638.064</b>	<b>(1.111.415.836)</b>

#### c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Quảng Ngãi	1.324.718.818	0	1.523.776.749	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	850.974.800	0	176.432.810	0
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội	251.474.200	0	686.742.200	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	188.731.491	0	178.061.675	0
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh	95.233.172	0	155.057.792	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	0	0	72.120.835	0
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị trường học Quảng Trị	0	0	86.341.792	0
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị Giáo dục Cửu Long	0	0	16.120.000	0
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh	0	0	582.800	0
<b>Cộng</b>	<b>2.711.132.481</b>	<b>0</b>	<b>2.895.236.653</b>	<b>0</b>

### 4. Trả trước cho người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.895.440.098</b>	<b>0</b>	<b>2.093.928.073</b>	<b>0</b>
Công ty TNHH MTV In Nhân dân Bình Định	1.292.423.755	0	0	0
Công ty Cổ phần Giấy Phụng Vĩnh Hưng	897.368.815	0	0	0
Công ty Cổ phần In và Sản xuất Bao bì Huế	831.835.877	0	0	0
CN Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết và Dịch vụ In Đà Nẵng - Xí nghiệp In tổng hợp	784.179.568	0	408.477.410	0

Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thừa Thiên Huế	776.589.089	0	356.704.784	0
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	20.237.000	0	0	0
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	0	0	668.438.957	0
Công ty Cổ phần In - Đầu tư Phát triển Giáo Dục Gia Lai	0	0	506.799.845	0
Trả trước cho các người bán khác	292.805.994	0	153.507.077	0
<b>Cộng</b>	<b>4.895.440.098</b>	<b>0</b>	<b>2.093.928.073</b>	<b>0</b>

## 5. Phải thu khác

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>531.968.396</b>	<b>0</b>	<b>1.148.371.742</b>	<b>0</b>
	359.120.320	0	1.089.587.487	0
<i>Hồ Đăng Minh</i>	<i>45.706.511</i>	<i>0</i>	<i>66.913.619</i>	<i>0</i>
<i>Lê Quốc Dũng</i>	<i>15.560.390</i>	<i>0</i>	<i>59.085.156</i>	<i>0</i>
<i>Trần Hoàng Nam</i>	<i>7.500.000</i>	<i>0</i>	<i>69.335.300</i>	<i>0</i>
<i>Các đối tượng tạm ứng khác</i>	<i>290.353.419</i>	<i>0</i>	<i>894.253.412</i>	<i>0</i>
Phải thu ngắn hạn khác	172.848.076	0	58.784.255	0
<b>Cộng</b>	<b>531.968.396</b>	<b>0</b>	<b>1.148.371.742</b>	<b>0</b>

## 6. Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	737.512.021	0	226.430.523	0
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Sách - TB Thành Phát</i>	<i>212.039.775</i>	<i>0</i>	<i>39.170.845</i>	<i>0</i>
<i>Nhà sách Minh Đức</i>	<i>54.597.832</i>	<i>0</i>	<i>54.597.832</i>	<i>0</i>
<i>Siêu thị Quảng Ngãi</i>	<i>30.739.290</i>	<i>0</i>	<i>30.739.290</i>	<i>0</i>
<i>Siêu thị sách Nguyễn Văn Cừ - Quảng Nam</i>	<i>25.582.026</i>	<i>0</i>	<i>25.582.026</i>	<i>0</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>414.553.098</i>	<i>0</i>	<i>76.340.530</i>	<i>0</i>

6. Nợ xấu (tiếp theo)

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 2 năm đến dưới 3 năm	237.033.120	71.109.936	520.455.703	156.136.711
<i>Công ty Cổ phần Sách - TBTH Thanh Hoá</i>	151.468.320	45.440.496	347.586.773	104.276.032
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Sách - TB Thành Phát</i>	59.810.400	17.943.120	172.868.930	51.860.679
<i>Công ty CP Phát hành sách Tp. HCM - Trung tâm sách Nguyễn Huệ</i>	23.017.800	6.905.340	0	0
<i>Trung tâm Giáo dục thường xuyên Q. Cẩm Lệ</i>	2.736.600	820.980	0	0
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 1 năm đến dưới 2 năm	568.308.648	284.154.324	769.366.087	384.683.043
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại HBE</i>	0	0	98.826.960	49.413.480
<i>Công ty CP Sách - TBTH Thanh Hoá</i>	0	0	308.665.285	154.332.643
<i>Nhà sách Việt Lý</i>	168.898.792	84.449.396	119.055.792	59.527.896
<i>Các khách hàng khác</i>	399.409.856	199.704.928	242.818.050	121.409.024
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 1 năm	529.809.364	370.866.555	453.277.590	317.294.313
<i>Nhà sách Việt Lý</i>	35.198.400	24.638.880	1.122.000	785.400
<i>Công ty CP Quảng cáo &amp; Dịch vụ văn hóa Đà Nẵng</i>	185.840.000	130.088.000	172.400.000	120.680.000
<i>Trung tâm sách Nguyễn Huệ</i>	0	0	56.556.000	39.589.200
<i>Các khách hàng khác</i>	308.770.964	216.139.675	223.199.590	156.239.713
<b>Cộng</b>	<b>2.072.663.153</b>	<b>726.130.815</b>	<b>1.969.529.903</b>	<b>858.114.067</b>

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2017	01/01/2017
Các loại sách kiểm kê thiếu	416.227.241	402.925.565
<b>Cộng</b>	<b>416.227.241</b>	<b>402.925.565</b>

8. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.413.077.011	0	1.017.569.887	0
Chi phí SXKD dở dang	11.259.104.309	0	12.288.624.922	0
Thành phẩm	16.304.288.750	(3.362.325.238)	16.134.840.200	(4.139.618.106)
<b>Cộng</b>	<b>28.976.470.070</b>	<b>(3.362.325.238)</b>	<b>29.441.035.009</b>	<b>(4.139.618.106)</b>

## 9. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.065.332.581</b>	<b>2.134.917.754</b>
Thuế GTGT còn được khấu trừ còn phải phân bổ cho hàng tồn kho	2.065.014.400	1.992.669.999
Chi phí trả trước - công cụ dụng cụ	318.181	19.367.755
Chi phí trả trước khác	0	122.880.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>651.670.180</b>	<b>720.874.096</b>
Chi phí thuê đất KCN Hòa Cầm (*)	651.670.180	720.874.096
<b>Cộng</b>	<b><u>2.717.002.761</u></b>	<b><u>2.855.791.850</u></b>

(\*) Công ty đã mua lại quyền thuê đất tại Khu công nghiệp Hòa Cầm từ Công ty Cổ phần In sách giáo khoa Hòa Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/9/2009. Theo đó, thời hạn thuê đất sẽ kết thúc vào ngày 22/5/2027. Quyền thuê đất này đang được thế chấp để đảm bảo cho tiền vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.



**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2017		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm	01/01/2017	
	Phải nộp	Phải thu			Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	36.765.279	0	1.712.932.632	1.676.167.353	0	0
Thuế TNDN	0	1.019.402.667	2.516.486.957	3.475.151.494	0	60.738.130
Thuế TNCN	257.712.987	0	794.856.494	669.678.718	132.535.211	0
Các loại thuế khác	0	0	3.000.000	3.000.000	0	0
<b>Cộng</b>	<b>294.478.266</b>	<b>1.019.402.667</b>	<b>5.027.276.083</b>	<b>5.823.997.565</b>	<b>132.535.211</b>	<b>60.738.130</b>

**11. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị, dung cụ quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<i>Tại ngày 01/01/2017</i>	<i>14.823.396.303</i>	<i>1.470.960.000</i>	<i>382.414.091</i>	<i>16.676.770.394</i>
Mua trong năm	0	2.029.800.000	0	2.029.800.000
Thanh lý, nhượng bán	0	(2.029.800.000)	0	(2.029.800.000)
<i>Tại ngày 31/12/2017</i>	<i>14.823.396.303</i>	<i>1.470.960.000</i>	<i>382.414.091</i>	<i>16.676.770.394</i>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
<i>Tại ngày 01/01/2017</i>	<i>3.385.952.938</i>	<i>1.468.294.204</i>	<i>369.989.999</i>	<i>5.224.237.141</i>
Khấu hao trong năm	772.584.000	133.819.963	12.424.092	918.828.055
Thanh lý, nhượng bán	0	(131.154.167)	0	(131.154.167)
<i>Tại ngày 31/12/2017</i>	<i>4.158.536.938</i>	<i>1.470.960.000</i>	<i>382.414.091</i>	<i>6.011.911.029</i>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<i>Tại ngày 01/01/2017</i>	<i>11.437.443.365</i>	<i>2.665.796</i>	<i>12.424.092</i>	<i>11.452.533.253</i>
<i>Tại ngày 31/12/2017</i>	<i>10.664.859.365</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>10.664.859.365</i>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: **10.664.859.366 đồng**  
 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: **1.853.374.091 đồng**

**12. Tài sản cố định vô hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Tài sản cố định vô hình khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<i>Tại ngày 01/01/2017</i>	<i>7.799.999.000</i>	<i>85.000.000</i>	<i>7.884.999.000</i>
<i>Tại ngày 31/12/2017</i>	<i>7.799.999.000</i>	<i>85.000.000</i>	<i>7.884.999.000</i>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<i>Tại ngày 01/01/2017</i>	<i>0</i>	<i>53.927.789</i>	<i>53.927.789</i>
Khấu hao trong năm	0	17.004.000	17.004.000
<i>Tại ngày 31/12/2017</i>	<i>0</i>	<i>70.931.789</i>	<i>70.931.789</i>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<i>Tại ngày 01/01/2017</i>	<i>7.799.999.000</i>	<i>31.072.211</i>	<i>7.831.071.211</i>
<i>Tại ngày 31/12/2017</i>	<i>7.799.999.000</i>	<i>14.068.211</i>	<i>7.814.067.211</i>

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: **7.799.999.000 đồng**  
 Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: **0 đồng**.  
 Nguyên giá TSCĐ vô hình chờ thanh lý: **0 đồng**.

### 13. Phải trả người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.321.365.588</b>	<b>3.321.365.588</b>	<b>9.238.857.741</b>	<b>9.238.857.741</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	808.102.561	808.102.561	668.052.073	668.052.073
Công ty Cổ phần SOFTECH	576.406.500	576.406.500	598.372.000	598.372.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam	407.200.000	407.200.000	0	0
Công ty TNHH Giấy Minh Cường Phát	389.748.184	389.748.184	2.853.218.050	2.853.218.050
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	378.657.883	378.657.883	449.431.939	449.431.939
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	319.224.024	319.224.024	998.295.700	998.295.700
Công ty Cổ phần Giấy Phùng Vĩnh Hưng	0	0	1.166.716.152	1.166.716.152
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	0	0	566.834.434	566.834.434
Phải trả các đối tượng khác	442.026.436	442.026.436	1.937.937.393	1.937.937.393
<b>Cộng</b>	<b>3.321.365.588</b>	<b>3.321.365.588</b>	<b>9.238.857.741</b>	<b>9.238.857.741</b>
<b>d. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	808.102.561	808.102.561	668.052.073	668.052.073
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	378.657.883	378.657.883	449.431.939	449.431.939
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	319.224.024	319.224.024	998.295.700	998.295.700
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	8.309.574	8.309.574	39.539.249	39.539.249
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	4.906.490	4.906.490	241.598.250	241.598.250
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	0	0	811.338.328	811.338.328
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	0	0	566.834.434	566.834.434
<b>Cộng</b>	<b>1.519.200.532</b>	<b>1.519.200.532</b>	<b>3.775.089.973</b>	<b>3.775.089.973</b>

**14. Người mua trả tiền trước**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.581.833.157</b>	<b>234.723.431</b>
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị trường học Quảng Trị	969.565.363	0
Công ty TNHH CROWN WORLDWIDE	316.800.000	153.648.000
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quảng Nam	0	66.736.090
Các đối tượng khác	295.467.794	14.339.341
<b>Cộng</b>	<b>1.581.833.157</b>	<b>234.723.431</b>
<b>c. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị trường học Quảng Trị	969.565.363	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	396.800	0
<b>Cộng</b>	<b>969.962.163</b>	<b>0</b>

**15. Chi phí phải trả**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.240.398.521</b>	<b>2.978.415.574</b>
Phí tổ chức bàn thảo, phí bản quyền	4.237.233.969	2.957.305.776
Trích trước chi phí tư vấn thiết kế	0	18.500.000
Trích trước chi phí lãi vay	3.164.552	0
Chi phí phải trả khác	0	2.609.798
<b>Cộng</b>	<b>4.240.398.521</b>	<b>2.978.415.574</b>

**16. Phải trả khác**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	96.935.771	88.549.631
Kinh phí công đoàn	0	25.706.430
Bảo hiểm xã hội	8.949.758	52.305.961
Phải trả ngắn hạn khác	1.314.467.192	8.587.770.813
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	<i>320.000</i>	<i>7.920.960.000</i>
<i>Chi phí môi giới xúc tiến giới thiệu sách</i>	<i>1.314.147.192</i>	<i>663.791.264</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>0</i>	<i>3.019.549</i>
<b>Cộng</b>	<b>1.420.352.721</b>	<b>8.754.332.835</b>

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>4.746.827.700</b>	<b>4.746.827.700</b>	<b>47.704.133.891</b>	<b>48.029.841.156</b>	<b>5.072.534.965</b>	<b>5.072.534.965</b>
Ngân hàng TMCổ phần Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	4.746.827.700	4.746.827.700	47.704.133.891	48.029.841.156	5.072.534.965	5.072.534.965
<b>Cộng</b>	<b>4.746.827.700</b>	<b>4.746.827.700</b>	<b>47.704.133.891</b>	<b>48.029.841.156</b>	<b>5.072.534.965</b>	<b>5.072.534.965</b>

Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 300075709/2017/HĐTDHM/NHCT488-DAD ngày 13/02/2017, trong đó: Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 đồng; Thời hạn mỗi khoản vay theo từng lần nhận nợ và không quá 09 tháng kể từ ngày rút vốn; Lãi suất theo từng giấy nhận nợ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh in sách giáo khoa và các ấn phẩm giáo dục; Tài sản đảm bảo bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 3401011108 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/4/2000 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3401011108 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/4/2000; Xe ô tô Toyota Camry BKS 43A-016.27; Cổ phiếu quỹ DAD và cổ phiếu BDB đang nắm giữ; Hàng tồn kho và các tài sản khác theo các Hợp đồng đảm bảo đi kèm.

**18. Vốn chủ sở hữu****18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>(2.907.360.967)</b>	<b>4.689.507.553</b>	<b>23.378.433.467</b>	<b>75.160.580.053</b>
Tăng trong năm	0	0	0	662.393.925	0	<b>662.393.925</b>
Giảm trong năm	0	0	0	0	(18.821.855.698)	<b>(18.821.855.698)</b>
Lãi trong năm	0	0	0	0	13.247.878.488	<b>13.247.878.488</b>
<b>Số dư cuối năm trước, Số dư đầu năm nay</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>(2.907.360.967)</b>	<b>5.351.901.478</b>	<b>17.804.456.257</b>	<b>70.248.996.768</b>
Lãi trong năm	0	0	0	0	9.194.849.228	<b>9.194.849.228</b>
Trích lập các quỹ (*)	0	0	0	459.742.461	(1.838.969.845)	<b>(1.379.227.384)</b>
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>(2.907.360.967)</b>	<b>5.811.643.939</b>	<b>25.160.335.640</b>	<b>78.064.618.612</b>

(\*) Tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết số 276/CV-DEICO 20/5/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng:

- Trích quỹ Đầu tư, phát triển 5% lợi nhuận sau thuế
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế
- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát 5% lợi nhuận sau thuế

**18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.750.000.000	20.750.000.000
Các cổ đông khác	25.842.000.000	25.842.000.000
Cổ phiếu quỹ	3.408.000.000	3.408.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
- Vốn góp của chủ sở hữu	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	0	0
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	0	0
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	7.920.640.000

**d. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	340.800	340.800
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	340.800	340.800
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.659.200	4.659.200
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.659.200	4.659.200
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.</i>	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Quỹ đầu tư phát triển	5.811.643.939	5.351.901.478
<b>Cộng</b>	<b>5.811.643.939</b>	<b>5.351.901.478</b>

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
<b>Doanh thu</b>	<b>138.982.936.185</b>	<b>128.916.454.338</b>
Doanh thu bán sách hỗ trợ sách giáo khoa	101.843.227.868	92.205.205.575
Doanh thu bán sách tham khảo	21.615.323.518	21.400.334.767
Doanh thu khác	15.524.384.799	15.310.913.996
<b>Cộng</b>	<b>138.982.936.185</b>	<b>128.916.454.338</b>

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Hàng bán bị trả lại sách hỗ trợ sách giáo khoa	3.050.114.987	1.694.407.023
Hàng bán bị trả lại sách tham khảo	2.185.774.788	1.180.936.135
Hàng bán bị trả lại khác	260.494.937	27.795.754
<b>Cộng</b>	<b>5.496.384.712</b>	<b>2.903.138.912</b>

### 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Doanh thu thuần bán sách hỗ trợ sách giáo khoa	98.793.112.881	90.510.798.552
Doanh thu thuần bán sách tham khảo	19.429.548.730	20.219.398.632
Doanh thu thuần khác	15.263.889.862	15.283.118.242
<b>Cộng</b>	<b>133.486.551.473</b>	<b>126.013.315.426</b>

### 4. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Giá vốn sách hỗ trợ sách giáo khoa	62.474.664.748	60.221.394.953
Giá vốn sách tham khảo	13.967.681.334	13.046.818.533
Giá vốn khác	13.699.530.597	13.953.149.841
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(777.292.868)	(3.335.295.710)
<b>Cộng</b>	<b>89.364.583.811</b>	<b>83.886.067.617</b>

### 5. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Lãi tiền gửi	447.015.927	33.098.661
Cổ tức và lợi nhuận được chia	630.060.000	586.475.000
<b>Cộng</b>	<b>1.077.075.927</b>	<b>619.573.661</b>



**6. Chi phí tài chính**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Tiền lãi vay	516.795.052	570.834.464
Dự phòng, giảm giá các khoản đầu tư	5.651.451.819	(60.542.727)
Chiết khấu thanh toán	622.834.270	937.443.130
<b>Cộng</b>	<b><u>6.791.081.141</u></b>	<b><u>1.447.734.867</u></b>

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	4.230.363.121	3.805.968.989
Chi phí khấu hao TSCĐ	314.869.796	320.430.870
Chi phí Dịch vụ mua ngoài	5.671.321.353	4.163.774.364
Chi phí bằng tiền khác	3.340.341.634	3.733.298.595
<b>Cộng</b>	<b><u>13.556.895.904</u></b>	<b><u>12.023.472.818</u></b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	4.230.363.125	4.155.223.988
Chi phí vật liệu quản lý	0	319.688.707
Chi phí khấu hao TSCĐ	620.962.259	557.755.448
Chi phí dự phòng	1.244.908.155	474.673.165
Chi phí Dịch vụ mua ngoài	2.535.101.064	5.057.335.721
Chi phí bằng tiền khác	4.257.458.023	1.729.893.891
<b>Cộng</b>	<b><u>12.888.792.626</u></b>	<b><u>12.294.570.920</u></b>

**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	0	1.963.637
Xử lý sách thừa kiểm kê	12.720.122	0
Xử lý chênh lệch tiền lẻ	3.629	18.324
<b>Cộng</b>	<b><u>12.723.751</u></b>	<b><u>1.981.961</u></b>

**9. Chi phí khác**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Thanh lý TSCĐ	262.282.197	0
Chi phí khác	1.379.287	10.414.220
<b>Cộng</b>	<b><u>263.661.484</u></b>	<b><u>10.414.220</u></b>

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.866.563.283	34.878.176.234
Chi phí nhân công	39.689.510.316	8.801.416.068
Chi phí khấu hao tài sản cố định	935.832.055	878.186.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.216.326.187	37.883.475.023
Chi phí khác bằng tiền	5.372.195.297	8.517.700.953
<b>Cộng</b>		

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>11.711.336.185</b>	<b>16.972.610.606</b>
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN</b>	<b>871.098.600</b>	<b>1.651.049.982</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	1.501.158.600	2.237.524.982
- Chi phí không được trừ	1.501.158.600	2.237.524.982
Các khoản điều chỉnh giảm	630.060.000	586.475.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	630.060.000	586.475.000
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế</b>	<b>12.582.434.785</b>	<b>18.623.660.588</b>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.516.486.957	3.724.732.118
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.516.486.957</b>	<b>3.724.732.118</b>

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.194.849.228	13.247.878.488
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.194.849.228	13.247.878.488
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành (*)	1.379.227.384	1.987.181.773
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.659.200	4.659.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.677,46</b>	<b>2.416,87</b>

**13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.194.849.228	13.247.878.488
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.194.849.228	13.247.878.488
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành (*)	1.379.227.384	1.987.181.773
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.659.200	4.659.200
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.677,46</b>	<b>2.416,87</b>

(\*) Năm 2016 lấy số liệu từ phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 276/CV-DEIDCO ngày 20/5/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và tỷ lệ trích quỹ của kết quả kinh doanh hàng quý. Năm 2017 lấy theo số tạm trích theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được thông qua ở Đại hội đồng cổ đông năm thường niên năm 2017 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng.

#### 14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản  
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

##### 14.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### *Độ nhạy đối với lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017</b>		
Đồng	+100	102.429.050
Đồng	-100	(102.429.050)
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016</b>		
Đồng	+100	63.868.492
Đồng	-100	(63.868.492)

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

#### **14.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

Chi phí nguyên vật liệu (chủ yếu là giấy cuộn, giấy bìa) và chi phí công in là hai khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất. Do đó, việc thay đổi giá của nguyên vật liệu cũng như dịch vụ sẽ ảnh hưởng lớn đến giá thành của thành phẩm. Công ty cho rằng rủi ro về giá nguyên vật liệu và chi phí công in trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức cao. Nhằm đảm bảo ổn định giá thành thành phẩm, bộ phận quản lý sản xuất của Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động của giá cả nguyên vật liệu cũng như chi phí công in và đề xuất với Tổng Giám đốc để có phương án dự trữ nguyên vật liệu cũng như phương án sản xuất kinh doanh phù hợp.

##### ***Rủi ro về giá chứng khoán kinh doanh***

Các chứng khoán kinh doanh do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán kinh doanh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán này, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh của Công ty là 465.000.000 đồng Việt Nam (ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 574.500.000 đồng). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 46.500.000 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 46.500.000 đồng Việt Nam.

## 14.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày	Không bị quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm	Tổng cộng
31/12/2017	11.860.712.503	529.809.364	568.308.648	237.033.120	737.512.021	<b>13.933.375.656</b>
01/01/2017	12.937.108.161	453.277.590	769.366.087	520.455.703	226.430.523	<b>14.906.638.064</b>

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng:

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng riêng biệt cho từng loại khách hàng. Đối với kinh doanh sách hỗ trợ thì địa bàn và chính sách bán hàng được thực hiện theo Thông báo số 433/NXBGDVN ngày 30/3/2017 của Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Đối với kinh doanh sách tham khảo và các mặt hàng khác, việc kinh doanh được thực hiện theo chính sách bán hàng của Công ty theo Quyết định số 232/QĐ-DEIDCO ngày 24/4/2017. Theo đó, mỗi khách hàng mới phải được thẩm định để Công ty có phương thức bán hàng riêng cho từng loại khách hàng. Đồng thời, các khách hàng của Công ty cũng được chia làm 4 loại: kim cương, vàng, bạc, đồng và mỗi loại khách hàng này được hưởng các chính sách bán hàng khác nhau

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

### ***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

### **14.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

<i>Đơn vị tính: đồng</i>				
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b><i>Dưới 1 năm</i></b>	<b><i>Từ 1 đến 5 năm</i></b>	<b><i>Trên 5 năm</i></b>	<b><i>Tổng cộng</i></b>
Các khoản vay và nợ	4.746.827.700	0	0	4.746.827.700
Phải trả người bán	3.321.365.588	0	0	3.321.365.588
Chi phí phải trả	4.240.398.521	0	0	4.240.398.521
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.314.467.192	0	0	1.314.467.192
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>13.623.059.001</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>13.623.059.001</b>
Các khoản vay và nợ	5.072.534.965	0	0	5.072.534.965
Phải trả người bán	9.238.857.741	0	0	9.238.857.741
Chi phí phải trả	2.978.415.574	0	0	2.978.415.574
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.587.770.813	0	0	8.587.770.813
<b>Cộng</b>	<b>25.877.579.093</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>25.877.579.093</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thanh toán các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng. Đối với các khoản vay dưới 01 năm, Công ty có thể tiếp tục duy trì nguồn vốn này với các bên cho vay hiện tại (sau khi đã thanh toán đủ cả gốc và lãi).

### **Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, chứng khoán kinh doanh, phương tiện vận tải, hàng tồn kho, quyền thuê đất dài hạn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

## 15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

*Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2017		01/01/2017		31/12/2017	01/01/2017
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	14.989.732.651	0	11.459.384.182	0	14.989.732.651	11.459.384.182
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	408.545.000	0	408.545.000	0	408.545.000	408.545.000
- Phải thu khách hàng	13.933.375.656	(1.346.532.338)	14.906.638.064	(1.111.415.836)	12.586.843.318	13.795.222.228
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5.449.500.000	0	5.449.500.000	0	5.449.500.000	5.449.500.000
- Đầu tư dài hạn khác	13.227.750.000	(5.651.451.819)	16.227.750.000	0	7.576.298.181	16.227.750.000
- Phải thu khác	172.848.076	0	58.784.255	0	172.848.076	58.784.255
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.181.751.383</b>	<b>(6.997.984.157)</b>	<b>48.510.601.501</b>	<b>(1.111.415.836)</b>	<b>41.183.767.226</b>	<b>47.399.185.665</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Vay và nợ	4.746.827.700	0	5.072.534.965	0	4.746.827.700	5.072.534.965
- Phải trả người bán	3.321.365.588	0	9.238.857.741	0	3.321.365.588	9.238.857.741
- Chi phí phải trả	4.240.398.521	0	2.978.415.574	0	4.240.398.521	2.978.415.574
- Phải trả khác	1.314.467.192	0	8.587.770.813	0	1.314.467.192	8.587.770.813
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.623.059.001</b>	<b>0</b>	<b>25.877.579.093</b>	<b>0</b>	<b>13.623.059.001</b>	<b>25.877.579.093</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2017 và 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### 1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	47.704.133.891	49.694.435.980
<b>Cộng</b>	<b>47.704.133.891</b>	<b>49.694.435.980</b>

### 2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	48.029.841.156	51.566.402.389
<b>Cộng</b>	<b>48.029.841.156</b>	<b>51.566.402.389</b>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính 2017 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính này.

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

#### a. Thu nhập của các thành viên chủ chốt

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS	1.134.251.270	2.551.100.635
<b>Cộng</b>	<b>1.134.251.270</b>	<b>2.551.100.635</b>

#### b. Các giao dịch trọng yếu và số dư các bên liên quan trong năm như sau

##### **Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam**

Trụ sở chính: Số 81 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Giáo dục & Đào tạo. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ- TCNS ngày 23/3/2007 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Tại thời điểm 30/6/2017, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đang nắm giữ 2.075.000 cổ phiếu tương ứng 44,54% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

##### **Các bên liên quan khác**

Các Công ty trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các Công ty con do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nắm quyền chi phối.

Các Công ty liên doanh, liên kết do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng đầu tư.



2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

STT	Đối tượng giao dịch	Nội dung giao dịch	01/01/2017	Năm 2017		31/12/2017	Tài khoản	
			Số dư	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư		
<b>I</b>	<b>Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam</b>							
		Vốn góp của Nhà xuất bản	20.750.000.000	0	0	20.750.000.000	TK 411	
		Phải thu khách hàng	0	58.000.000	58.000.000	0		
		Chi hộ tiền khen thưởng cho Nhà xuất bản	0	58.000.000	58.000.000	0	TK 131N	
		Phải trả người bán	668.438.957	730.438.957	62.000.000	0		
		Tiền nâng cấp bản thảo, chi hộ khen thưởng...	668.438.957	730.438.957	62.000.000	0	TK 331N	
<b>II</b>	<b>Các đơn vị trực thuộc Nhà xuất bản</b>							
	1	Nhà Xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Mua sách, vật tư	998.295.700	13.028.366.532	13.707.438.208	319.224.024	TK 331C
<b>III</b>	<b>Các Công ty con do Nhà xuất bản nắm quyền chi phối</b>							
	1	Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Quảng Ngãi	Bán sách	1.523.776.749	17.672.314.293	17.871.372.224	1.324.718.818	TK 131N
	2	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Bán sách	86.341.792	2.969.388.558	4.025.295.713	969.565.363	TK 131C
	3	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Bán sách	176.432.810	2.562.589.460	1.888.047.470	850.974.800	TK 131N
	4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Bán sách	668.052.073	3.673.159.725	3.813.210.213	808.102.561	TK 331C

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Bán sách	449.431.939	2.787.024.188	2.716.250.132	378.657.883	TK 331C
6	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội	Bán sách	686.742.200	978.642.500	1.413.910.500	251.474.200	TK 131N
7	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh	Bán sách	155.057.792	483.537.600	543.362.220	95.233.172	TK 131N
8	Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Bán sách	241.598.250	1.320.068.560	1.083.376.800	4.906.490	TK 331C
9	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Bán sách	72.120.835	293.509.806	366.027.441	396.800	TK 131C
10	Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	Bán sách	566.834.434	4.453.621.213	3.886.693.137	93.642	TK 331N
11	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Bán sách	582.800	0	582.800	0	TK 131N
12	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Bán sách	16.120.000	156.281.900	172.401.900	0	TK 131N
13	Công ty Cổ phần Học liệu	Mua vật tư	0	1.104.000.000	1.104.000.000	0	
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Bán sách	811.338.328	2.490.867.052	1.679.528.724	0	TK 331C
<b>IV</b>	<b>Các Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng</b>						
1	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	Bán sách	178.061.675	8.588.502.106	8.577.832.290	188.731.491	TK 131N
		Công in	39.539.249	563.422.531	457.943.623	145.018.157	TK 331C
2	Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	Bán lịch	0	55.275.900	55.275.900	0	TK 331C
		Cổ tức	0	0	242.000.000	242.000.000	TK 331N
		Nhận tiền khác	0	105.291.417	0	105.291.417	TK 331C

### Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động chính của Công ty là xuất bản, bán sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo, lịch và bán các công cụ hỗ trợ giáo dục. Công ty không có chi nhánh nào nên Công ty chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Bán sách hỗ trợ sách giáo khoa	Bán sách tham khảo	Hoạt động khác	Tổng cộng
<b>1. Doanh thu (thuần)</b>	<b>98.793.112.881</b>	<b>19.429.548.730</b>	<b>15.263.889.862</b>	<b>133.486.551.473</b>
Doanh thu thuần bán hàng bán ra bên ngoài	98.793.112.881	19.429.548.730	15.263.889.862	133.486.551.473
<b>2. Chi phí</b>	<b>81.625.619.557</b>	<b>17.461.116.603</b>	<b>16.723.536.181</b>	<b>115.810.272.341</b>
Giá vốn	62.053.221.714	13.611.831.500	13.699.530.597	89.364.583.811
Chi phí phân bổ	19.572.397.843	3.849.285.103	3.024.005.584	26.445.688.530
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (3 = 1 - 2)</b>	<b>17.167.493.324</b>	<b>1.968.432.127</b>	<b>(1.459.646.319)</b>	<b>17.676.279.132</b>
<b>4. Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ</b>	<b>1.502.250.664</b>	<b>295.446.227</b>	<b>232.103.109</b>	<b>2.029.800.000</b>
<b>5. Tài sản bộ phận</b>	<b>70.075.450.528</b>	<b>13.781.673.045</b>	<b>10.826.908.149</b>	<b>94.684.031.721</b>
Tổng tài sản	70.075.450.528	13.781.673.045	10.826.908.149	94.684.031.721
<b>6. Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>12.299.992.300</b>	<b>2.419.027.934</b>	<b>1.900.392.875</b>	<b>16.619.413.109</b>
Tổng nợ phải trả	12.299.992.300	2.419.027.934	1.900.392.875	16.619.413.109

#### 4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2017 trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2017 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

#### 5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục



Trưởng Giám đốc

Nguyễn Quang Dũng